

Số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O;
- Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 29/6/2021;
- Biên bản kiểm phiếu cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 29/6/2021,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Tập đoàn CEO”) nhất trí thông qua:**

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (Báo cáo số 33-06/BC/CEO-BTGD ngày 08/6/2021 đính kèm).
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (Báo cáo số 34-06/BC/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (Báo cáo số 35-06/BC/CEO-BKS ngày 08/6/2021 đính kèm).
4. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020 (Tờ trình số 36-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
5. Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 (Tờ trình số 37-06/TTr/CEO-BKS ngày 08/6/2021 đính kèm).
6. Tờ trình phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 (Tờ trình số 38-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
7. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2019 (Báo cáo số 39-06/BC/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn CEO (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
10. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
11. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).

12. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 (Tờ trình số 41-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 25/6/2021 đính kèm).

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Tạ Văn Tố.

- Ông Đoàn Văn Minh được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022.

**Điều 2. Điều khoản thi hành:**

1. Nghị quyết này đã được 100% tổng số cổ phần của các cổ đông trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Như khoản 2 Điều 2;
- Lưu: VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đoàn Văn Bình**

Số: 01/2021/BB/CEO-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ ngày 29/6/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (Mã số doanh nghiệp: 0101183550 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/3/2007, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 04/9/2019 - Trụ sở chính: Tầng 5, Tháp CEO, HH2 -1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) được tổ chức tại Tầng 6, Tháp CEO, HH2 -1, Đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**I. TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI**

**1. Căn cứ triệu tập Đại hội**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (sau đây gọi tắt là “Đại hội” hoặc “ĐHĐCĐ”) được tổ chức theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội**

- Tổng số cổ đông Công ty là 11.012 cổ đông (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 03/6/2021 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp), đại diện cho 257.339.985 cổ phần.
- Tại thời điểm bắt đầu Đại hội, tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội: 86 cổ đông, đại diện cho 164.799.638 cổ phần, tương ứng 164.799.638 phiếu biểu quyết, chiếm 64,04% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Tập đoàn CEO”) đủ điều kiện để tiến hành.

**II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

**1. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, gồm:**

- Ông Đoàn Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HDQT”) - Chủ tọa
- Bà Phạm Thị Mai Lan - Phó Chủ tịch HDQT - Thành viên
- Ông Tạ Văn Tố - Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
- Ông Lưu Đức Quang - Thành viên HDQT - Thành viên
- Bà Vũ Thị Lan Anh - Thành viên HDQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Thành viên

**2. Thông qua Ban Thư ký Đại hội, gồm:**

- Bà Lê Thị Thúy Nga - Trưởng ban

- Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên
- 3. Thông qua Ban Kiểm phiếu, gồm:
  - Ông Nguyễn Tiến Thắng - Trưởng Ban
  - Bà Kiều Thị Thúy - Thành viên
  - Bà Đinh Xuân Thủy - Thành viên
  - Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thành viên

Danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu đã được các cổ đông đại diện cho 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội thông qua.

- 4. Thông qua Chương trình làm việc của Đại hội  
Đại hội thông qua Chương trình Đại hội (chi tiết kèm theo)  
Kết quả: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội thông qua chương trình Đại hội
- 5. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (Chi tiết kèm theo).  
Kết quả: 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.

### III. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

- 1. Ông Tạ Văn Tố - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày các nội dung:
  - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
  - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
- 2. Bà Trần Thị Thùy Linh - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày các nội dung:
  - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
  - Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021;
- 3. Bà Vũ Thị Lan Anh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc trình bày các nội dung:
  - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020;
  - Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2019;
- 4. Ông Lưu Đức Quang - Thành viên HĐQT độc lập trình bày các nội dung:
  - Tờ trình phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021;
  - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành các Quy chế;
  - Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022.

### IV. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Trong quá trình thảo luận, tất cả các câu hỏi, ý kiến của cổ đông đã được Đoàn

Chủ tịch trả lời thỏa đáng tại Đại hội.

Đại hội đã thống nhất các nội dung trả lời của Đoàn Chủ tịch và không có ý kiến gì khác.

## V. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

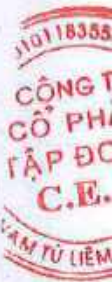
- Vào trước thời điểm bỏ phiếu thông qua các vấn đề, tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 95 cổ đông, đại diện cho 164.859.868 cổ phần, tương ứng 164.859.868 phiếu biểu quyết, chiếm 64,06 % tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Ông Nguyễn Tiến Thắng - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu.

Chi tiết kết quả biểu quyết các nội dung của Đại hội được ghi tại Biên bản kiểm phiếu do Ban Kiểm phiếu lập và được ông Nguyễn Tiến Thắng - Đại diện Ban Kiểm phiếu đọc trước toàn thể Đại hội.

### Kết quả biểu quyết và bầu cử như sau:

- Số phiếu phát ra: 95 phiếu, đại diện cho 164.859.868 cổ phần, tương ứng với 164.859.868 phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.
  - Số phiếu thu về: 92 phiếu, đại diện cho 164.217.858 cổ phần, tương ứng với 164.217.858 phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.
  - Số phiếu hợp lệ: 92 phiếu, tương ứng 164.217.858 phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
  - Số phiếu không hợp lệ: không
1. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (Báo cáo số 33-06/BC/CEO-BTGD ngày 08/6/2021 đính kèm).
    - Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.217.858 phiếu, tương ứng 99,61% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
    - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
    - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (Báo cáo số 34-06/BC/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
    - Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.177.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
    - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
    - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 40.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
  3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (Báo cáo số 35-06/BC/CEO-BKS ngày 08/6/2021 đính kèm).



- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.177.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 40.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020 (Tờ trình số 36-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.216.858 phiếu, tương ứng 99,61% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 1.000 phiếu, tương ứng 0,001% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
5. Thông qua Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 (Tờ trình số 37-06/TTr/CEO-BKS ngày 08/6/2021 đính kèm).
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.217.858 phiếu, tương ứng 99,61% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
6. Thông qua Tờ trình phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 (Tờ trình số 38-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.216.858 phiếu, tương ứng 99,61% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 1.000 phiếu, tương ứng 0,001% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
7. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2019 (Báo cáo số 39-06/BC/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.176.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 41.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn CEO (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.177.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 40.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.177.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 40.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
10. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.177.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 40.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
11. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.177.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 40.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
12. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 (Tờ trình số 41-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 25/6/2021 đính kèm)
- a. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Tạ Văn Tố.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 164.177.858 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất các đồng tham dự Đại hội;
  - Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 40.000 phiếu, tương ứng 0,02% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- b. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
Ông Đoàn Văn Minh	164.843.058	99,99%

## VI. CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC THÔNG QUA

Trên cơ sở kết quả biểu quyết, căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O và quy định của pháp luật, ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O đã thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (Báo cáo số 33-06/BC/CEO-BTGD ngày 08/6/2021 đính kèm).
  2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (Báo cáo số 34-06/BC/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
  3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (Báo cáo số 35-06/BC/CEO-BKS ngày 08/6/2021 đính kèm).
  4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020 (Tờ trình số 36-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
  5. Thông qua Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 (Tờ trình số 37-06/TTr/CEO-BKS ngày 08/6/2021 đính kèm).
  6. Thông qua Tờ trình phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 (Tờ trình số 38-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
  7. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2019 (Báo cáo số 39-06/BC/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm).
  8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn CEO (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)
  9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)
  10. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)
  11. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (Tờ trình số 40-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021 đính kèm)
  12. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 (Tờ trình số 41-06/TTr/CEO-HĐQT ngày 25/6/2021 đính kèm).
- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Tạ Văn Tố.
  - Ông Đoàn Văn Minh được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022.



I. THÔNG QUA BIÊN BẢN

Biên bản này đã được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực, đọc lại trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông và được 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự nhất trí thông qua.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Lê Thị Thúy Nga

CHỦ TỌA



Đoàn Văn Bình



**CHƯƠNG TRÌNH HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**

Thời gian	Nội dung chương trình	Chủ trì
<b>I. Thủ tục khai mạc</b>		
08h00 - 08h30	- Đón tiếp Đại biểu và cổ đông - Đăng ký cổ đông và phát tài liệu	Ban Tổ chức Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
08h30 - 08h35	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông
08h35 - 08h40	Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội	Ban Tổ chức
08h40 - 08h45	Khai mạc Đại hội Giới thiệu và thông qua Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu	Đoàn Chủ tịch
08h45 - 08h50	Thông qua chương trình họp	Đoàn Chủ tịch
08h50 - 8h55	Thông qua các Quy chế: - Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội - Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT	Đoàn Chủ tịch
<b>II. Nội dung Đại hội</b>		
8h55 - 09h20	<b>Nội dung 1:</b> Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021	Ban Tổng Giám đốc
	<b>Nội dung 2:</b> Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	Đoàn Chủ tịch
	<b>Nội dung 3:</b> Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	Ban Kiểm soát
	<b>Nội dung 4:</b> Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020	Đoàn Chủ tịch
	<b>Nội dung 5:</b> Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021	Ban Kiểm soát
	<b>Nội dung 6:</b> Tờ trình phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021	Đoàn Chủ tịch
	<b>Nội dung 7:</b> Báo cáo tình hình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2019	Đoàn Chủ tịch
	<b>Nội dung 8:</b> Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn CEO và ban hành các Quy chế	Đoàn Chủ tịch
	<b>Nội dung 9:</b> Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022	Đoàn Chủ tịch

Thời gian	Nội dung chương trình	Chủ trì
<b>III. Thảo luận và biểu quyết</b>		
09h20 - 9h40	Trao đổi và thảo luận	Đoàn Chủ tịch
9h40 - 10h00	Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội và bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT	Ban Kiểm phiếu
	Kiểm phiếu	Ban Kiểm phiếu
	Nghỉ giải lao	
10h00 - 10h10	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban Kiểm phiếu
<b>IV. Kết thúc Đại hội</b>		
10h10 - 10h15	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội	Đoàn Chủ tịch
	- Bế mạc Đại hội	

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2021 - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O được tổ chức và thực hiện theo các nội dung sau đây:

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Phạm vi áp dụng**

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“Đại hội”) của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Tập đoàn CEO”).
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham dự họp Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 2: Đối tượng áp dụng**

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
**VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người được ủy quyền**

**3.1. Điều kiện tham dự Đại hội**

Là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Tập đoàn CEO tại ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

**3.2. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội**

- a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội bằng văn bản ủy quyền

hợp lệ.

- b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn CEO và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;
- d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu khác sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;
- e. Cổ đông, người được ủy quyền đến dự họp muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội ngay sau khi đăng ký đối với các vấn đề chưa biểu quyết, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để họ đăng ký và hiệu lực của đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

### 3.3. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

- a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải mang theo các Giấy tờ sau:
  - Đối với cổ đông cá nhân: (1) Giấy mời họp, (2) CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng, (3) Giấy ủy quyền hợp lệ nếu là người được ủy quyền. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
  - Đối với cổ đông tổ chức: (1) Giấy mời họp, (2) Bản sao Giấy Chứng nhận ĐKDN (có chứng thực hợp lệ), (3) CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) của người đại diện theo pháp luật.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người được ủy quyền cần mang theo: (1) Giấy mời họp; (2) CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền; (3) Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có chứng thực hợp lệ); (4) Giấy ủy quyền hợp lệ.

- b. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội; không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;
- c. Không được ghi âm, ghi hình và truyền thông tin về nội dung cuộc họp ra bên ngoài trước khi có kết luận chính thức của Đại hội;
- d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều hành Đại hội của Đoàn Chủ tịch;
- e. Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch Covid-19 theo yêu cầu của Ban tổ chức;
- f. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội chỉ định, có các chức năng nhiệm vụ sau:

- 4.1 Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp. Yêu cầu cổ đông xuất trình các Giấy tờ theo quy định tại Điều 3 Quy chế này;
- 4.2 Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu họp liên quan khác;
- 4.3 Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội tại các thời điểm sau:
  - Trước khi khai mạc Đại hội;
  - Trước mỗi lần biểu quyết, bầu cử nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp);

#### **Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký/Ban thư ký Đại hội**

##### 5.1 Đoàn Chủ tịch

- a. Đoàn Chủ tịch do Ban tổ chức giới thiệu, Đại hội biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Đoàn và là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Chủ tọa), có các chức năng nhiệm vụ sau:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự;
  - Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- b. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- c. Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- d. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
  - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
  - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
  - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

- e. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.
- 5.2 Thư ký/Ban thư ký Đại hội
- Thư ký/Ban thư ký của Đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết thông qua; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
  - Thư ký/Ban thư ký Đại hội có nhiệm vụ:
    - + Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
    - + Dự thảo Nghị quyết Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội (nếu có).
    - + Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

#### **Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

- 6.1 Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 6.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
- Hướng dẫn thể thức biểu quyết, cách thức bầu cử;
  - Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội;
  - Tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu;
- 6.3 Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;
- 6.4 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

### **CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 7: Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo Danh sách cổ đông của Công ty được lập vào ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

#### **Điều 8: Thảo luận tại Đại hội**

- 8.1 Nguyên tắc:
- Cổ đông có ý kiến cần trao đổi, làm rõ, đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi chuyển cho Thư ký/Ban Thư ký Đại hội để chuyển Đoàn chủ tịch;
  - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội.
- 8.2 Trả lời ý kiến của cổ đông

- Đoàn Chủ tịch hoặc thành viên do Đoàn Chủ tịch chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến, câu hỏi của cổ đông;
- Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình cuộc họp để bố trí sắp xếp việc phát biểu của các cổ đông. Chủ tọa có thể dành ưu tiên phát biểu cho cổ đông đăng ký phát biểu trước và có ý kiến liên quan đến chương trình họp.

#### **Điều 9: Thẻ thức biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội**

Mỗi cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết do Công ty in và đóng dấu kiểm soát. Việc biểu quyết tại Đại hội được thực hiện theo các hình thức sau đây:

##### **9.1 Biểu quyết trực tiếp**

- Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các vấn đề sau:
  - + Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Thư ký/Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu;
  - + Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội, Quy chế bầu cử, Biên bản/Nghị quyết Đại hội;
  - + Các vấn đề khác theo quyết định của Đoàn chủ tịch (nếu có).
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Đoàn chủ tịch.
- Theo từng lần biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

##### **9.2 Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu**

- a. Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án *tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến* vào từng nội dung cần lấy ý kiến (đánh dấu (X) hoặc (V) vào nội dung biểu quyết)
- b. Cách thức bỏ phiếu:
  - Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.
  - Trường hợp cổ đông trong quá trình bỏ phiếu, ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- c. Cách thức kiểm phiếu:
  - Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.
  - Cách thức thực hiện việc kiểm phiếu:
    - + Ban Kiểm phiếu làm việc trong một (01) phòng/khu vực riêng.



- + Ban Kiểm phiếu được sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu.
- + Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết.
- + Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
- + Tính toán và loại bỏ số cổ phần của các cổ đông có liên quan không được quyền biểu quyết (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết).
- + Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho Chủ tọa.
- Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
  - + Phiếu không theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra hoặc không có dấu của Công ty;
  - + Phiếu bị rách, tẩy xóa, sửa chữa;
  - + Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
  - + Phiếu có ghi nhiều ý kiến lựa chọn khác nhau cho cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó không hợp lệ.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết độc lập với nhau, tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau:
  - + Thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu;
  - + Thành phần Ban Kiểm phiếu;
  - + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp;
  - + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
  - + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
  - + Số và tỷ lệ biểu quyết cho từng vấn đề;
  - + Chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu.
- 9.3 Kết quả biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu công bố sau khi tổng hợp kết quả biểu quyết đối với tất cả vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội.
- 9.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế riêng về bầu thành viên Hội đồng quản trị được thông qua tại Đại hội.

#### **Điều 10: Thông qua quyết định của Đại hội**

- 10.1 Các vấn đề theo nội dung chương trình họp của ĐHCĐ thường niên 2021 được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- 10.1 Riêng đối với các vấn đề sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn CEO;

- Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn CEO và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 11: Biên bản Đại hội**

- 11.1 Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.
- 11.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 11.3 Biên bản Đại hội phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc.
- 11.4 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

#### **Điều 12: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 12.1 Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- 12.2 Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

### **CHƯƠNG IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 13: Hiệu lực thi hành của Quy chế**

- 13.1 Quy chế này gồm 4 Chương, 13 Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 13.2 Quy chế này có thể được sửa đổi tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa Đại hội và phải được Đại hội biểu quyết thông qua.



**Đoàn Văn Bình**

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ BẦU CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O;

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (“HDQT”) theo các quy định sau:

**Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc bầu cử bổ sung thành viên HDQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Tập đoàn CEO”) tại ĐHCĐ thường niên năm 2021.
2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 03/6/2021) có mặt tại Đại hội.

**Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên HDQT:**

1. Số lượng bầu bổ sung thành viên HDQT nhiệm kỳ 2017 – 2022: 01 người
2. Tiêu chuẩn thành viên HDQT:
  - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
  - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là đại diện cho tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;
  - Không đồng thời là thành viên HDQT của trên năm (05) công ty khác;
  - Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3: Đề cử, ứng cử thành viên HDQT**

1. Số lượng ứng viên bầu bổ sung thành viên HDQT: Tối thiểu 01 người
2. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được quyền đề cử ứng viên để bầu vào HDQT.
3. Trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng viên cần thiết, hoặc ứng viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HDQT đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn CEO. Danh sách các ứng viên do HDQT đương nhiệm đề cử được công bố tại ĐHCĐ trước khi tiến hành bầu cử.



#### **Điều 4: Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử gồm:

- Văn bản đề cử/ứng cử thành viên HĐQT (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao có chứng thực CMND/CCCD /Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc ĐKKD của cổ đông đề cử và của ứng viên;
- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của ứng viên.

**Các mẫu Sơ yếu lý lịch ứng viên, Văn bản đề cử/ứng cử thành viên HĐQT được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: [www.ceogroup.com.vn](http://www.ceogroup.com.vn)**

2. Để đảm bảo công tác chuẩn bị tài liệu trình ĐHCĐ, hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 24/6/2021 theo địa chỉ sau đây:

- Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 - Tập đoàn CEO
- Địa chỉ: Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (+84 24) 3787 5136 (Máy lẻ:162) Fax: (+84 24) 3787 5137

Hồ sơ đề cử, ứng cử cần ghi rõ:

*"Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022".*

3. Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử được gửi cho Ban tổ chức trước thời hạn nêu trên và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn CEO mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

#### **Điều 5: Phương thức bầu cử**

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân (x) với 1 (một) - là số thành viên được bầu như nêu tại Điều 2.1.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ hoặc một phần số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho một số hoặc toàn bộ các ứng cử viên, sao cho tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của mình.

##### **Ví dụ:**

- Cổ đông sở hữu 1.000 cổ phần của Tập đoàn CEO tương ứng cổ đông sẽ có:

$1.000 (CP) \times 01 (\text{Thành viên HĐQT được bầu}) = 1.000 \text{ phiếu bầu}$

*(Tập đoàn CEO đã ghi sẵn trên Phiếu bầu cử số phiếu bầu của mỗi cổ đông = cổ phần sở hữu của cổ đông nhân (x) với số thành viên HĐQT được bầu);*

- Cổ đông có thể và chỉ được dồn hết 1.000 phiếu bầu cử trên cho 01 ứng cử viên hoặc một phần phiếu bầu (nhỏ hơn 1.000 phiếu) cho 01 ứng cử viên (tổng số phiếu bầu cho ứng viên bằng hoặc nhỏ hơn 1.000)

#### **Điều 6: Hình thức tiến hành bầu cử**

1. **Phiếu bầu cử:**

Phiếu bầu thành viên HĐQT do Tập đoàn CEO phát hành, có ghi mã số cổ đông, số cổ phần và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT.

## 2. Quy định về cách ghi và tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

### a. Phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, có đóng dấu của Tập đoàn CEO;
- Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- Không bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa.

### b. Phiếu bầu cử không hợp lệ là Phiếu có một/một số vấn đề sau:

- Không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
- Không đóng dấu của Tập đoàn CEO;
- Bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung;
- Nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

### c. Cách ghi Phiếu bầu cử

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
- Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;
- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

## 3. Nguyên tắc bỏ phiếu:

- Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước;
- Cổ đông/người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong.

## 4. Quy định về việc kiểm phiếu:

- a. Ban Kiểm phiếu gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tọa đề nghị và được ĐHCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT.



- b. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
- Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng riêng/khu vực riêng;
  - Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
  - Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu cử;
  - Kiểm tra lần lượt từng Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;
  - Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu cử, bàn giao lại cho Trưởng Ban kiểm phiếu.
- c. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu;
  - Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

#### **Điều 7: Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT**

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.
2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

#### **Điều 8: Khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu**

1. Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần kiểm tra lại kết quả bầu cử, Ban Kiểm soát sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban Kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí do phải tổ chức bầu cử lại.
2. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHDCĐ.

#### **Điều 9: Hiệu lực thi hành**

Quy chế bầu cử này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tập đoàn CEO.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Đoàn Văn Bình**

Số: 33-06/2021/BC/CEO-BTGD

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**(Về kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021)**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Năm 2020 là năm thực sự khó khăn đối với các doanh nghiệp trong đó có Tập đoàn CEO. Dưới sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị, cùng với sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo Tập đoàn và các Công ty thành viên, Tập đoàn CEO đã từng bước vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xin báo cáo cụ thể kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020**

**I. Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2020 (Theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán)**

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kết quả cụ thể:

**1. Doanh thu**

Tổng doanh thu hợp nhất: 1.435 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch, bằng 30,9% so với năm 2019.

**2. Lợi nhuận sau thuế**

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn năm 2020 là (103) tỷ đồng, giảm so với năm 2019.

**II. Kết quả của các hoạt động SXKD trụ cột**

**1. Đối với Bất động sản nhà ở**

- Các Dự án trọng điểm của Tập đoàn trong năm 2020 triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng được yêu cầu công tác kinh doanh và bàn giao cho khách hàng;

- Năm 2020, Tập đoàn CEO cũng tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý quan trọng cho dự án CEOHomes Hana Garden tại Mê Linh, Hà Nội. Dự án đã có quyết định phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

- Đối với Dự án River Silk City, tháng 12/2020, UBND tỉnh Hà Nam đã có quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 đối với khu phía Bắc của dự án (phần kỳ 4, 5, 6).

**2. Đối với Bất động sản nghỉ dưỡng**

- Ngày 5/7/2020, lễ kick-off bán hàng phân khu Singapore Shoptel thuộc dự án Sonasea Vân Đồn Harbor City diễn ra tại Bãi Dài Vân Đồn, chính thức khai mở thị trường du lịch nghỉ dưỡng Vân Đồn tâm điểm mới của bất động sản miền Bắc.



- Tháng 12/2020, các căn Singapore Shoptel đầu tiên đã chính thức được bàn giao đến chủ sở hữu, khẳng định cam kết của chủ đầu tư đối với khách hàng về tiến độ triển khai tại Khu tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng Sonasea Vân Đồn Harbor City.
3. Đối với lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực
- Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn cầu, việc đưa các thực tập sinh sang thị trường Nhật Bản của Tập đoàn chịu tác động tiêu cực. Trong năm 2020, số lượng thực tập sinh sang Nhật Bản giảm so với năm 2019. Tuy nhiên, tính đến 12/2020, Tập đoàn đã đưa được gần 6.000 lao động sang thị trường Nhật Bản, tiếp tục là một trong các đơn vị lớn nhất đưa người lao động sang thị trường Nhật Bản.
4. Đối với hoạt động xây dựng
- Năm 2020, CEO Xây dựng tập trung triển khai thi công các Dự án của Tập đoàn tại Phú Quốc, Vân Đồn, Hà Nam, Hà Nội; công tác thi công đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác kinh doanh và bàn giao cho khách hàng tại các Dự án.
5. Đối với hoạt động du lịch và quản lý khách sạn
- Năm 2020 được đánh giá là năm mà ngành du lịch Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn chưa từng xảy ra trước đó. Hoạt động du lịch và quản lý khách sạn của Tập đoàn bị ảnh hưởng nặng nề, các khách sạn tại Phú Quốc của Tập đoàn đã phải vận hành ở mức tối thiểu trong suốt thời gian dịch Covid-19, kết quả kinh doanh của hoạt động này trong năm 2020 giảm mạnh so với kế hoạch.

## PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Với mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, Ban Tổng Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

### **I. Các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến năm 2021**

- Tổng doanh thu hợp nhất: 1.600 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 80 tỷ đồng

### **II. Các công việc trọng tâm triển khai trong năm 2021**

1. Tập trung triển khai và kinh doanh các Dự án trọng điểm của Tập đoàn trong năm 2021: Dự án Sonasea Vân Đồn Harbor City, CEO Mê Linh (CEO Homes Hana Garden), River Silk City.
  - Tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý các dự án.
  - Nghiên cứu và phát triển các dự án tiềm năng, hiệu quả, phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển của Tập đoàn, chủ trương của Hội đồng quản trị;
2. Triển khai tốt công tác tuyển dụng, đào tạo để sẵn sàng đưa thực tập sinh sang thị trường Nhật Bản khi mở cửa rộng rãi trở lại. Tiếp tục lấy thị trường Nhật Bản là thị trường trọng tâm trong năm 2021;
3. Tập trung khai thác thị trường du lịch trong nước, chuẩn bị mọi điều kiện, nguồn lực để đảm bảo kịp thời đón khách du lịch quốc tế khi dịch bệnh được kiểm soát và mở



cửa đường bay quốc tế trở lại. Kiểm soát, quản lý chặt chẽ và tiết kiệm chi phí vận hành đối với các khách sạn;

4. Triển khai các hình thức huy động vốn hiệu quả; Kiểm soát để đảm bảo tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
5. Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, nhân sự; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và công tác kinh doanh, bán hàng;
6. Hoàn thiện các quy trình để nâng cao hiệu quả quản lý.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

*Nơi nhận:*

- Như trên
- Lưu: VP.

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*[Signature]*

**Tạ Văn Tố**



Số: 34-06/2021/BC/CEO-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**  
**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**  
**(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị (“HDQT”) Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Tập đoàn CEO”) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) về kết quả hoạt động trong năm 2020 và định hướng, kế hoạch năm 2021 như sau:

**I. TÌNH HÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

**1. Các chỉ tiêu SXKD chính**

Năm 2020 là năm thực sự khó khăn, kể từ khi niêm yết, lần đầu tiên Tập đoàn CEO không hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo Nghị quyết của ĐHĐCD:

- Tổng doanh thu hợp nhất 1.435 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch, bằng 30,9% so với tổng doanh thu năm 2019.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (103) tỷ đồng.

**2. Về thương hiệu**

Năm 2020, Tập đoàn CEO đứng thứ 149 trong Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam theo Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), tăng 115 bậc so với năm 2019; top 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2020 theo đánh giá của Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD).

**3. Về đóng góp với xã hội**

Tập đoàn tiếp tục góp phần tạo ra các công trình đẹp cho đất nước, giải quyết nhiều việc làm cho người lao động; đóng góp vào ngân sách Nhà nước; tích cực trong các hoạt động xã hội- cộng đồng, nhất là trong đại dịch Covid-19 vừa qua.

**II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**

**1. Các hoạt động chung**

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường, ban hành các Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Tập đoàn, trong đó có một số nội dung chính như sau:

- Kiện toàn nhân sự, xây dựng các quy chế tại Tập đoàn và các đơn vị để nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành;
- Điều chỉnh các dự án đầu tư theo thẩm quyền;
- Chuyển nhượng cổ phần sở hữu tại đơn vị thành viên;
- Các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT Tập đoàn được ban hành phù hợp với Điều lệ, các quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Danh sách các Nghị quyết,

Quyết định của Tập đoàn được công bố trong Báo cáo về tình hình quản trị công ty năm 2020.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Thực hiện các quy định tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn và quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát, cụ thể như sau:

- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Chỉ đạo, giám sát việc chuẩn bị nguồn vốn và công tác triển khai các Dự án của Tập đoàn;
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2020;
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành; kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động SXKD nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020;
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định.

Kết quả:

Ban Tổng Giám đốc dưới sự quản lý, chỉ đạo của HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện tốt Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ mà HĐQT đã ban hành.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

Trong năm 2020, tổng mức thù lao chi trả của HĐQT đúng với tổng mức thù lao được ĐHĐCĐ phê duyệt là 468.000.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao/tháng	Thời gian (tháng)	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	12	120.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	1	8.000.000	12	96.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	7.000.000	12	252.000.000
	Tổng cộng				468.000.000

**III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn năm 2021

- Dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường (đặc biệt là sự xuất hiện của các biến chủng mới), luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại. Việc triển khai các vaccine đang vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với tất cả quốc gia trong đó có Việt Nam. Theo các chuyên gia, Covid-19 có thể kéo dài đến giữa năm 2022 khi có vaccine cho người dân;
- Quan hệ kinh tế quốc tế được dự báo sẽ tiếp tục có những biến động và diễn biến khó lường. Xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn sẽ dẫn đến nhu cầu dịch chuyển địa điểm sản xuất để tránh mức thuế cao. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Việt Nam;

- Nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi chậm tiếp tục tạo nhiều thách thức cho hoạt động doanh nghiệp trong nước. Việt Nam là một trong những nước chịu sự tác động này;
- Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới, năm 2021, tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ đạt mức 4%, kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng 6,8%;
- Việt Nam tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19, được bạn bè quốc tế đánh giá cao;
- Hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện;
- Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công vào các hạ tầng kỹ thuật lớn.

2. Định hướng hoạt động của Tập đoàn năm 2021

Trong bối cảnh thế giới và trong nước vẫn đang chịu tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19, trước những thách thức và cơ hội của tình hình mới, với thành quả đạt được trong gần 20 năm qua, Hội đồng quản trị đặt ra định hướng và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

- 2.1 Xây dựng chiến lược phát triển của Tập đoàn giai đoạn 2022-2026;
- 2.2 Cấu trúc lại các sản phẩm. Ưu tiên tập trung phát triển Bất động sản nhà ở;
- 2.3 Tiếp tục nghiên cứu phát triển và/hoặc M&A các dự án Bất động sản có tiềm năng, phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn;
- 2.4 Tiếp tục thực hiện các giải pháp để phát triển bền vững, khẳng định vị thế, uy tín, thương hiệu của Tập đoàn, coi trọng lợi ích của cổ đông;
- 2.5 Thúc đẩy hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến để HĐQT hoàn thiện báo cáo làm căn cứ thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đoàn Văn Bình**

Số: 35-06/2021/BC/CEO-BKS

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Tập đoàn CEO”) đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với những nội dung cụ thể như sau:

**PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**A. Về số lượng và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O gồm có 3 thành viên:

1. Bà Trần Thị Thùy Linh - Trưởng ban
2. Ông Bùi Đức Thuyên - Thành viên
3. Bà Nguyễn Thu Phương - Thành viên

**B. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Năm 2020, Ban kiểm soát Tập đoàn đã tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính – kế toán, đảm bảo tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác của công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông;
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện những nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Giám sát, đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty;
- Chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng/Ban chuyên môn trong công việc;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến, kiến nghị trong việc giám sát hoạt động tổ chức và điều hành kinh doanh của công ty trong các cuộc họp;
- Thẩm định, soát xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính quý, 06 tháng, cả năm của công ty;
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin theo quy định của pháp luật;



- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của công ty đã ban hành.  
Thông qua các hoạt động kiểm soát và thẩm định Báo cáo tài chính, Ban kiểm soát báo cáo hoạt động trong năm 2020 với nội dung chi tiết như sau:
1. **Kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính, cụ thể:**
    - Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty đã tuân thủ quy định pháp luật liên quan tới hoạt động kinh doanh cũng như phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
    - Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành, điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty:
      - o Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát các quyết sách và thực thi nhanh chóng chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động công ty của Hội đồng quản trị.
      - o Ban kiểm soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty.
    - Đối với tổ chức công tác kế toán:
      - o Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
      - o Công tác kế toán đã kịp thời giúp HĐQT và Ban Tổng giám đốc có những quyết định phù hợp với hoạt động kinh doanh.
      - o Ban kiểm soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính; kế toán trong kỳ.
  2. **Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 2020.**
    - Thẩm định Báo cáo tài chính hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 06 tháng của Công ty.
    - Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã đảm bảo tính hệ thống, nhất quán và tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung báo cáo và thời gian lập báo cáo.
    - Ban kiểm soát thống nhất với các số liệu trong Báo cáo tài chính kiểm toán 2020. Cụ thể:

+ Doanh thu:	1.435 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế:	- 103 tỷ đồng
+ Tổng tài sản:	7.438 tỷ đồng

3. **Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty.**
  - Ban kiểm soát nhận thấy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - Ban kiểm soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty nào của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty.
  - Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2020 của Ban Tổng giám đốc công ty.

4. **Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát**

Tổng mức thù lao của BKS năm 2020 đã được ĐHCĐ phê duyệt là 120.000.000 đồng/năm. Thực tế chi trả thù lao của BKS năm 2020 đúng với tổng mức thù lao được ĐHCĐ phê duyệt, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao/tháng	Thời gian (tháng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trưởng BKS	1	4.000.000	12	48.000.000	
2	Thành viên BKS	2	3.000.000	12	72.000.000	
	<b>Cộng</b>				<b>120.000.000</b>	

5. **Ý kiến cổ đông**

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội, Ban kiểm soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty, Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

## PHẦN II: NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ do các cổ đông giao cho, Ban kiểm soát luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty trong việc xây dựng các Quy chế hoạt động, Nghị quyết, Quyết định.
2. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2021 đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát kiến nghị một số việc sau:
  - Hoàn thiện mô hình quản trị để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất lao động;
  - Tiếp tục thúc đẩy và tận dụng các cơ hội kinh doanh, khuyến khích các hình thức thanh toán nhanh, tăng hiệu suất quay vòng vốn;
  - Đề xuất sử dụng đòn bẩy tài chính linh hoạt trong bối cảnh nền kinh tế năm 2021 nhiều biến động;
  - Nghiên cứu, chú trọng áp dụng công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

### PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2021 tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành công ty của HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 phê duyệt;
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác của công ty; kiến nghị các biện pháp sửa đổi, hoàn thiện mô hình quản trị, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với định hướng phát triển, Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật;
- Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty trong công tác quản lý, điều hành công ty, đảm bảo sự tuân thủ của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty đối với các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Trên đây là nội dung kết quả trong quá trình kiểm tra giám sát hoạt động Công ty năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Thùy Linh



Số: 36-06/2021/TTr/CEO-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán  
và đề xuất phân phối lợi nhuận năm 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) và đề xuất phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

- I. Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, bao gồm:
  1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
  2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
  3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
  4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
  5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020;
  6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020;
- II. Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ. Vì vậy, Công ty không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**  
Như trên;  
Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Đoàn Văn Bình**

Số: 37-06/2021/TTt/CEO-BKS

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty như sau:

**I. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán**

1. Là đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2021;
2. Có kinh nghiệm kiểm toán cho các doanh nghiệp có cùng lĩnh vực hoạt động của Công ty;
3. Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
4. Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
5. Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
6. Có mức phí kiểm toán hợp lý.

**II. Đề xuất của Ban Kiểm soát**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán dựa trên các tiêu chí tại mục I để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VP.



**Trần Thị Thùy Linh**

Số: 38-06/2021/TTr/CEO-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và Ban kiểm soát (“BKS”) Công ty năm tài chính 2020 và phương án thù lao HĐQT, BKS năm tài chính 2021 như sau:

**1. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020**

- Tổng mức thù lao HĐQT, BKS được duyệt: 588.000.000 đồng
- Thực tế thực hiện trong năm 2020: 588.000.000 đồng

**2. Mức thù lao dự kiến chi trả trong năm 2021**

Đề nghị giữ nguyên mức thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao/tháng	Thời gian (tháng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	12	120.000.000	
2	Phó Chủ tịch HĐQT	1	8.000.000	12	96.000.000	
3	Ủy viên HĐQT	3	7.000.000	12	252.000.000	
	<b>Cộng</b>				<b>468.000.000</b>	
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					
1	Trưởng BKS	1	4.000.000	12	48.000.000	
2	Thành viên BKS	2	3.000.000	12	72.000.000	
	<b>Cộng</b>				<b>120.000.000</b>	
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>588.000.000</b>	

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua mức chi trả thù lao cho từng chức danh HĐQT và BKS như trên.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



**Đoàn Văn Bình**

Số: 39-06/2021/BC/CEO-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN  
CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG NĂM 2019**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/3/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O;
- Căn cứ Giấy chứng nhận chào bán số 26/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/6/2019;
- Căn cứ các lần điều chỉnh mục đích sử dụng vốn theo Nghị quyết HĐQT và tình hình thực tế sử dụng vốn của đợt phát hành 2019,

Ngày 15/3/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, theo đó, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành và điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động; thay đổi mục đích sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn và tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2019, cụ thể như sau:

**I. BÁO CÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT  
PHÁT HÀNH NĂM 2019**

**1. Phương án sử dụng vốn theo Bản cáo bạch**

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Góp vốn vào các công ty con	484.170.000.000
1.1	Góp vốn vào Công ty cổ phần Xây dựng C.E.O	20.400.000.000
1.2	Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vân Đồn	292.500.000.000
1.3	Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nha Trang	171.270.000.000
2	Đầu tư vào Dự án River Silk City Phân kỳ IV, V, VI	450.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động	95.189.940.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.029.359.940.000</b>

2. Phương án sử dụng vốn đã điều chỉnh theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 05/02/2021 của Hội đồng quản trị:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
<b>1</b>	<b>Góp vốn vào các công ty con</b>	<b>974.864.345.000</b>
1.1	Góp vốn vào Công ty cổ phần Xây dựng C.E.O	20.400.000.000
1.2	Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vân Đồn	405.000.000.000
1.3	Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nha Trang	171.270.000.000
1.4	Góp vốn vào Công ty TNHH C.E.O Quốc tế	290.644.345.000
1.5	Góp vốn vào Công ty cổ phần phát triển Dịch vụ C.E.O	10.200.000.000
1.6	Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ	77.350.000.000
<b>2</b>	<b>Đầu tư vào Dự án River Silk City Phân kỳ IV, V, VI</b>	<b>0</b>
<b>3</b>	<b>Bổ sung vốn lưu động</b>	<b>54.495.595.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.029.359.940.000</b>

Công ty đã thực hiện công bố thông tin Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 05/02/2021, đồng thời báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo quy định.

## II. BÁO CÁO TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH 2019

TT	Nội dung	Số tiền huy động từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền đã sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền chưa sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Lý do chưa sử dụng hết số tiền
1	Góp vốn vào các Công ty con	974.864.345.000	974.864.345.000	0	
	Trong đó:				
	- Góp vốn vào Công ty cổ phần Xây dựng C.E.O	20.400.000.000	20.400.000.000	0	
	- Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vân Đồn	405.000.000.000	405.000.000.000	0	
	- Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nha Trang	171.270.000.000	171.270.000.000	0	
	- Góp vốn vào Công ty TNHH C.E.O Quốc tế	290.644.345.000	290.644.345.000	0	
	- Góp vốn vào Công ty cổ phần Phát triển Dịch vụ C.E.O	10.200.000.000	10.200.000.000	0	
	- Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ	77.350.000.000	77.350.000.000	0	
2	Đầu tư vào Dự án River Silk City Phân kỳ IV, V, VI	0	0	0	
3	Bổ sung vốn lưu động	54.495.595.000	54.495.595.000	0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.029.359.940.000</b>	<b>1.029.359.940.000</b>	<b>0</b>	

Hội đồng quản trị xin Báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VP.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đoàn Văn Bình**



Số: 40-06/2021/TTr/CEO-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành các Quy chế của Tập đoàn

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O;

Để phù hợp với các quy định mới của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (cùng có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành và các quy chế của Tập đoàn, cụ thể như sau:

1. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn tại Phụ lục 1 kèm theo;
2. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Phụ lục 2 kèm theo;
3. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị tại Phụ lục 3 kèm theo;
4. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát tại Phụ lục 4 kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Bình**

**Phụ lục 1. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn CEO**  
(Kèm theo Tờ trình số 40-06/2021/TTr/CEO-HDQT ngày 08/6/2021)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**

Hà Nội - Tháng ...../.....



## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
CHƯƠNG I.....	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
CHƯƠNG II.....	5
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
CHƯƠNG III.....	5
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	10
CHƯƠNG IV.....	10
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	10
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	10
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	12
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.....	13
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	13
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	13
CHƯƠNG V.....	14
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	14
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	14
CHƯƠNG VI.....	14
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	14
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	14
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	19
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	23
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
CHƯƠNG VII.....	27
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 29. Người phụ trách quản trị Công ty.....	34
CHƯƠNG VIII.....	35
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	35
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35

Điều 31. Cán bộ quản lý.....	35
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	35
CHƯƠNG IX .....	37
BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 33. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	37
Điều 34. Kiểm soát viên.....	37
Điều 35. Ban kiểm soát.....	38
CHƯƠNG X .....	39
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	39
Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng.....	39
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
CHƯƠNG XI .....	41
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	41
Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	41
CHƯƠNG XII.....	42
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	42
Điều 40. Công nhân viên và công đoàn .....	42
CHƯƠNG XIII .....	42
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....	42
Điều 41. Phân phối lợi nhuận.....	42
CHƯƠNG XIV .....	42
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ .....	42
HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	42
Điều 42. Tài khoản ngân hàng .....	43
Điều 43. Năm tài chính .....	43
Điều 44. Chế độ kế toán.....	43
CHƯƠNG XV.....	43
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA .....	43
CÔNG CHÚNG .....	43
Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý .....	43
Điều 46. Báo cáo thường niên.....	44
CHƯƠNG XVI .....	44
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 47. Kiểm toán .....	44
CHƯƠNG XVII.....	44
CON DẤU.....	44
Điều 48. Con dấu .....	44
CHƯƠNG XVIII .....	44
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....	44
Điều 49. Chấm dứt hoạt động .....	44
Điều 50. Gia hạn hoạt động .....	45
Điều 51. Thanh lý.....	45
CHƯƠNG XIX .....	45
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	45
CHƯƠNG XX.....	46
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	46
CHƯƠNG XXI .....	46
NGÀY HIỆU LỰC .....	46
Điều 54. Ngày hiệu lực .....	46

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được các cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Công ty”) thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 19 tháng 11 năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày ...../...../20.....

## CHƯƠNG I

### ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
  - b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
  - c. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
  - e. “Người quản lý” là các cán bộ giữ các vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và (các) Người quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;
  - f. “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng Tập đoàn và người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị (nếu có);
  - g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
  - h. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - i. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  - j. “Công ty con” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## CHƯƠNG II

### TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - o Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**
  - o Tên tiếng Anh: **C.E.O GROUP JOINT STOCK COMPANY**
  - o Tên giao dịch: **CEO GROUP/TẬP ĐOÀN CEO**
  - o Tên viết tắt: **CEO GROUP., JSC**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
  - o Địa chỉ: Tầng 5, Tháp CEO, HH2 -1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
  - o Điện thoại: 024.37875136
  - o Fax: 024.37875137
  - o E-mail: [info@ceogroup.com.vn](mailto:info@ceogroup.com.vn)
  - o Website: [www.ceogroup.com.vn](http://www.ceogroup.com.vn)
4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

## CHƯƠNG III

### MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"><li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</li><li>- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;</li><li>- Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình;</li><li>- Tư vấn khảo sát xây dựng;</li><li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li></ul>	7110

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;</li> <li>- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng;</li> <li>- Lập, thẩm tra dự toán công trình xây dựng</li> <li>- Thẩm tra thiết kế xây dựng</li> </ul>	
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
3	Bán buôn đồ uống	4633
4	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi);</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;</li> <li>- Bán buôn máy móc và thiết bị y tế.</li> </ul>	4659
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn hoa và cây	4620
6	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
7	<p>Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền tải và phân phối điện</li> <li>- Sản xuất điện</li> </ul>	3510
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9	<p>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông</p>	4210
10	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11	<p>Điều hành tua du lịch</p> <p>Chi tiết: Lữ hành nội địa, quốc tế</p>	7912
12	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Khách sạn;</p>	5510
13	<p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>Chi tiết: Nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)</p>	5610
14	<p>Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng hoa, cây cảnh</li> <li>- Trồng rau, đậu các loại</li> </ul>	0118
15	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129

16	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
17	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình - Hoạt động cung cấp, tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý như: tư vấn, hỗ trợ kinh doanh; tư vấn lập chiến lược, kế hoạch hoạt động kinh doanh; quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường; tư vấn chính sách nguồn nhân lực; tư vấn biện pháp thực thi kế hoạch hoạt động kinh doanh.	7020
18	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
20	Khai thác quặng sắt	0710
21	Giáo dục mầm non	8510
22	Giáo dục tiểu học	8520
23	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
24	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề	8532
25	Đào tạo cao đẳng	8541
26	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản	6820
27	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Kinh doanh sân golf	9311
28	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Chi tiết: - Sản xuất, linh kiện xe ô tô và các sản phẩm công nghiệp khác; - Sản xuất các thiết bị công nghệ thông tin;	2930
29	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính.	2620
30	Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất các thiết bị viễn thông	2630
31	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ hội nghị, hội thảo - Cung cấp nhân viên đảm nhận các vấn đề trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo.	8230
32	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại	4719
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ	6810

	sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cho thuê văn phòng	
34	Đào tạo đại học và sau đại học Chi tiết: Đào tạo trình độ đại học (chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8542
35	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng nhà, khu công nghiệp; xây dựng dân dụng	4100
36	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Đầu tư xây dựng sân golf; - Đầu tư xây dựng các công trình điện, nước; - Đầu tư xây dựng khu du lịch và các khu vui chơi giải trí; - Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, cơ sở hạ tầng;	4290
37	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ, tin học	8559
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: dịch vụ giao nhận hàng hóa	5229
39	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa	4933
40	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: - Vận chuyển hành khách - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.	4932
41	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch thuật; Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	7490
42	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Trang trí nội, ngoại thất	7410
43	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ Chi tiết: Lắp đặt máy móc, thiết bị điện tử, điện, nước, sản phẩm cơ khí, viễn thông	3320
44	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng	2392
45	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: sản xuất đồ gỗ nội thất	3100
46	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm,	1629

	<p>ra và vật liệu tết bện</p> <p>Chi tiết: sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ</p>	
47	Sản xuất giày dép	1520
48	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
	Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa	
49	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
	Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	
50	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
	Chi tiết: Buôn bán trang thiết bị bưu chính viễn thông	
51	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
52	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
53	Vận tải hành khách đường sắt	4911
54	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
55	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
56	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
57	Trồng cây ăn quả	0121
58	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
59	Vận tải bằng xe buýt	4920
60	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng.	8710
	Chi tiết: Điều dưỡng viên	
61	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
62	<p>Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị tài liệu;</li> <li>- Soạn thảo và sửa chữa văn bản;</li> <li>- Photocopy;</li> <li>- Dịch vụ hỗ trợ thư ký;</li> </ul>	8219
63	Cho thuê xe có động cơ	7710
64	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết:</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu, gồm:</li> <li>- Động cơ,</li> <li>- Dụng cụ máy;</li> <li>- Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn;</li> </ul>	7730



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê thiết bị vận tải hàng không không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê container.</li> </ul>	
65	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp dịch vụ xử lý báo cáo văn bản và sao chép tốc ký</li> </ul>	8299
66	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các các cuộc triển lãm dành cho công chúng;</li> <li>- Cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp;</li> </ul>	9000
67	Quảng cáo.	7310
68	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	7320
	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Công ty hoạt động với mục tiêu không ngừng phát triển để trở thành tập đoàn tư nhân lớn, đa ngành nghề, đa lĩnh vực; luôn luôn đảm bảo sự thành công của các sản phẩm, dự án của Công ty để thu hút các nhà đầu tư; tạo bước đột phá về uy tín và giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **CHƯƠNG IV**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ và cổ phần

- Vốn điều lệ của Công ty : **2.573.399.850.000 VNĐ** (Hai nghìn năm trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn), trong đó:
- + Vốn bằng tiền : **2.573.399.850.000 VNĐ** (Hai nghìn năm trăm bảy mươi

ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- + **Vốn bằng tài sản** : Không có
- **Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành:** **257.339.985 cổ phần**
- **Mệnh giá cổ phần** : 10.000 đồng/cổ phần
- **Loại cổ phần:**
- + **Cổ phần phổ thông** : **257.339.985 cổ phần**
- + **Cổ phần ưu đãi (nếu có)** : 0 cổ phần
- **Số cổ phần được quyền chào bán::** **257.339.985 cổ phần.** Trong đó:
- + **Số cổ phần cổ đông công ty đã bán:** **257.339.985 cổ phần**
- + **Số cổ phần chưa bán:** 0 cổ phần
- 2. Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 3. Cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
- 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5. **Danh sách cổ đông sáng lập:**
  - a. **Ông Đoàn Văn Bình** Sinh năm: 02/06/1971  
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 29, Phố Ngõ Huyện, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  
Chỗ ở hiện tại: Số nhà 29, Phố Ngõ Huyện, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  
Căn cước công dân số: 035071001342 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 04/07/2017.
  - b. **Bà Đỗ Phương Anh** Sinh năm: 08/02/1979  
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 29, Phố Ngõ Huyện, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  
Chỗ ở hiện tại: Số nhà 29, Phố Ngõ Huyện, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  
Căn cước công dân số: 001179016179 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 04/07/2017.
  - c. **Ông Đào Minh Quang** Sinh năm: 08/04/1973  
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 35, ngách 43/99, tổ 10 phố Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.  
Chỗ ở hiện tại: Số 35, ngách 43/99, tổ 10 phố Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số CMND: 162005169 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 07/08/2000.

d. **Công ty Tài chính TNHH một thành viên Bru Điện**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 68, phố Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04.3944679 Fax: 04.39449678

Giấy CN ĐKKD nhà nước số 0106000490 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/6/2005.

e. **Công ty cổ phần chứng khoán MB**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 03 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.726.2600 Fax: 04.726.2601

Giấy CN ĐKKD số 0104000003 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/6/2000.

f. **Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.2661088 Fax: 04.2661080

Giấy CN ĐKKD số 060297 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/9/1994.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ

tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

## CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông (tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết) và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
  - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
  - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.
  - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
  - a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng,

giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn;

- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 1, khoản 2 Điều 24 và khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; khi thông tin cá nhân đã đăng ký có sự thay đổi, cổ đông có trách nhiệm cung cấp để cập nhật thông tin mới tại nơi đăng ký;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
7. Theo dõi, cập nhật thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty và cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: [www.ceogroup.com.vn](http://www.ceogroup.com.vn).
8. Đối với cổ đông lớn và cổ đông nội bộ phải báo cáo tỷ lệ sở hữu theo quy định của Luật chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về giao dịch theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Bảo mật các thông tin được

công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

### **Điều 13. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13 này;
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công ty;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - m. Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
    - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
    - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
    - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
  - n. Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ



51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

- o. Chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
  - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tập đoàn; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền và theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi

đăng ký dự họp hoặc văn bản ủy quyền có thể được cổ đông gửi tới Công ty trong vòng bốn mươi tám (48) giờ trước khi tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
  - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi bất lợi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu ít nhất 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó biểu quyết thông qua hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu ít nhất 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó biểu quyết thông qua trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công

ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
  - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp
  - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
  - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu: Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông; các tài liệu sử dụng tại đại hội; dự thảo nghị quyết đối với các vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết.

Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp nêu trên có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nếu từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 Điều lệ này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người triệu tập chỉ được từ chối đề xuất trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Nội dung đề xuất thiếu tính thực tế, chung chung hoặc vi phạm các quy định của pháp luật;
- e. Các trường hợp khác.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.
3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Hội đồng quản trị bầu làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, Trường Ban kiểm soát sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

Chủ tọa sẽ cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết (c) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (d) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng,

có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

13. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể bao gồm hình thức hội nghị (trực tuyến) giữa các cổ đông, trong đó một số hoặc tất cả cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:
  - a. Có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và
  - b. Có khả năng giao tiếp được với tất cả các cổ đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi cổ đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu cổ đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.

#### **Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - a. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
  - b. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.
  - c. Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được chào bán.
  - d. Tổ chức lại hay giải thể công ty.
  - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của

tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều này.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Mọi vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 Điều lệ này đều có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, theo trình tự và thủ tục phù hợp với quy định của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
  - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ

chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
8. Nghị Quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.
3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.



4. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký cổ đông, văn bản uỷ quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu liên quan gửi cùng thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
  - f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
  - g. Các thông tin khác (nếu có).
  - h. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

### Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập ít nhất là một (01) người. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 3% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là đại diện cho tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người có trình độ

- chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- c. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.
  3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
    - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
    - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
    - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
    - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
    - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
  5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Định hướng chiến lược hoạt động, phát triển của Công ty. Rà soát, kiểm tra và đánh giá việc triển khai chiến lược và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp theo từng thời kỳ;
  - b. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn; kế hoạch tài chính ngắn, trung, dài hạn của Công ty;
  - c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn quy chế đầu tư, quy chế tài chính, quy chế thu nhập, quy chế/quy định về phân quyền của Tập đoàn;
  - e. Quyết định ban hành Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế về nội bộ quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông tham gia, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
  - g. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - i. Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tập đoàn khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những cán bộ quản lý; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - l. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
  - m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o. Đề xuất việc tổ chức lại, tái cấu trúc doanh nghiệp hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
  - p. Thành lập Công ty con và quyết định các vấn đề liên quan;
  - q. Lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và quyết định các vấn đề liên quan
  - r. Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác
  - s. Bổ nhiệm, chỉ định người đại diện theo ủy quyền/ người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con và ban hành/phê duyệt Quy chế quản lý hoạt động người đại diện theo ủy quyền/ người quản lý phần vốn góp;
  - t. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:**
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các Đơn vị thành viên;
  - c. Trong phạm vi quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 153 và khoản 2 điều 167 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm l, điểm n, điểm o khoản 2 Điều 14 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng

- cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng, giao dịch của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc Công ty thực hiện các dự án đầu tư không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo điểm I khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
  - j. Các vấn đề điều hành hoặc kinh doanh hoặc giao dịch của Công ty và các Đơn vị thành viên mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; các vấn đề này sẽ được quy định tại các văn bản nội bộ của Công ty và Hội đồng quản trị;
  - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
  6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
  7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
  8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
  9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù

lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có các quyền và trách nhiệm:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, phân công công tác cho các thành viên Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trực tiếp trước cổ đông trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Điều lệ này;
  - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do mình triệu tập;
  - c. Quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị ủy quyền; Chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
  - d. Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị bằng các hình thức: biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, hoặc bằng cách khác theo đúng quy định;
  - e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đã được thông qua. Thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do mình triệu tập;
  - f. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và

báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hoặc bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
  - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.



Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp theo hình thức nghị sự nêu tại khoản này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị, một trong số các thành viên của Hội đồng quản trị tham gia tiểu ban được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

#### **Điều 29. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật,
  - b. Không đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty .
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với pháp luật;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
  - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
  - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## CHƯƠNG VIII

### TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

#### Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

#### Điều 31. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

#### Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và

được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; nhân viên lực lượng vũ trang; các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty trong phạm vi thuộc thẩm quyền theo những thông lệ quản lý tốt nhất và phù hợp với Điều lệ này và các quy chế của Công ty (nếu có);
  - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
  - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế,

quy định của Công ty (bao gồm cả Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty), các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 33. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 34. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 35. Ban kiểm soát**

- 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác; Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
  - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - f. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông thường niên;
  - g. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
  - h. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.
  - i. Khi có yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng

quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- j. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
  - k. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
  - l. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
  - m. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
  - n. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Tổng mức thù lao của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

## **CHƯƠNG X**

### **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### **Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức

hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn, hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên

quan trọng các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## CHƯƠNG XI

### QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

#### Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 24 và Khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư đại diện hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.



## CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

### Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

#### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 43. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.

#### **Điều 44. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **CHƯƠNG XV**

#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 46. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 47. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.  
Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

### **CHƯƠNG XVII CON DẤU**

#### **Điều 48. Con dấu**

Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty.

### **CHƯƠNG XIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 49. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

- Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 50. Gia hạn hoạt động**

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 51. Thanh lý**

- Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - Các chi phí thanh lý;
  - Tiền lương, trợ cấp thôi việc, và bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết cho công nhân viên;
  - Nợ thuế;
  - Các khoản nợ khác của Công ty;
  - Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

### **CHƯƠNG XIX**

#### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

- Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính, giữa:
  - Cổ đông với Công ty; hoặc
  - Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch

Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## CHƯƠNG XX

### BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

#### Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHƯƠNG XXI

### NGÀY HIỆU LỰC

#### Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI Chương 54 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O nhất trí thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung ngày ...../...../..... tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ. Điều lệ này có hiệu lực và được áp dụng kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị chính thức.

### ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**Phụ lục 2. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty**  
(Kèm theo Tờ trình số 40-06/2021/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O**

## CHƯƠNG I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy chế này những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. “Công ty”, “Tập đoàn CEO”, “Tập đoàn” là Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O;
- b. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông, Công ty và những người liên quan đến Công ty;
- c. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- d. “HĐQT” là Hội đồng quản trị của Công ty;
- e. “BKS” là Ban Kiểm soát của Công ty;
- f. “KSV” là Kiểm soát viên
- g. “TGD” là Tổng Giám đốc Công ty;
- h. “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- i. “SGDCK” là Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty được niêm yết;
- j. “Người điều hành Công ty” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh khác (nếu có) theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;
- k. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Chương IX Quy chế này;
- l. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m. “Người nội bộ” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn CEO;
- o. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- p. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu đến một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế văn bản đó.

3. Các từ hoặc thuật ngữ không được định nghĩa trong Quy chế này (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

### **Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty**

Nhằm đảm bảo Công ty được điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả, vì quyền lợi của cổ đông, Công ty và những người liên quan đến Công ty, công tác quản trị Công ty phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành hiệu quả và hướng tới áp dụng các thông lệ tốt nhất và chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty đại chúng quy mô lớn;
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS và Người điều hành; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
5. Đảm bảo đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
6. Minh bạch hoạt động của Công ty, đảm bảo việc cung cấp thông tin quan trọng một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời.

## **CHƯƠNG II**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. Ngoài ra, cổ đông của Công ty còn có các quyền sau đây:

1. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.
3. Quyền được bảo vệ các quyền, lợi hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 5. Vai trò, quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ**

Cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng



không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Họp ĐHĐCĐ bất thường: ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tiếp, trực tuyến, hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác theo quyết định của HĐQT hoặc khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn, các quy định hạn chế/cấm từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền .... làm ảnh hưởng đến việc tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp.

Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ theo các hình thức như quy định nêu trên, HĐQT chịu trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo hình thức họp tương ứng.

3. Các trường hợp họp ĐHĐCĐ khác và nội dung liên quan thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 7. Thủ tục triệu tập và đăng ký họp ĐHĐCĐ**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp.

2. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự họp với nội dung và theo phương thức, thời gian được quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Các cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông cho các Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp có mặt.

6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

### **Điều 8. Điều kiện tiến hành, thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành đại hội thì sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thông báo mời họp được gửi tới các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc đại hội, Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm chỉ đạo và đảm bảo các bộ phận liên quan đã hoàn thành việc gửi thông báo mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty (Riêng thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên HĐQT, BKS, trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thì phải gửi tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ).

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục (1) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục (2) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ Công ty. Trường hợp được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ, các đề xuất này chỉ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp sau khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ trên 05% cổ phần phổ thông; hoặc
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

#### **Điều 9. Thủ tục thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

1. HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa theo thể thức quy định tại Điều lệ Công ty. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc được người ủy quyền đại diện sở hữu.

3. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu với số lượng theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có thể đề xuất Chủ tọa thành lập bộ phận giúp việc để hỗ trợ công tác kiểm phiếu.

4. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố tại ĐHĐCĐ phù hợp với Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của mỗi kỳ họp.

5. Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất. Công ty gửi thông báo và hướng dẫn cổ đông về cách thức biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho mỗi kỳ họp có áp dụng các hình thức này.

#### **Điều 10. Biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được Thư ký cuộc họp ghi chép, lập biên bản và ghi thành biên bản của Công ty. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi biên bản được thông qua.

5. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

#### **Điều 11. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. HĐQT quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ những trường hợp theo Điều lệ Công ty hoặc theo quy định của pháp luật không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản mà phải tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thủ tục và công bố thông tin về danh sách cổ đông để triển khai lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện tương tự như thủ tục lập và công bố thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế này.

3. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều lệ Công ty và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều lệ Công ty.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi biên bản kết quả kiểm phiếu được thông qua.

#### **Điều 12. Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ**

1. Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định của Điều lệ Công ty và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Công ty. Mọi bộ phận, cá nhân trong Công ty (bao gồm cả thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban điều hành), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

2. Trong trường hợp vì lý do thực tế không thực hiện được quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể trực tiếp hoặc theo đề nghị của người liên quan báo cáo, trình ĐHĐCĐ xem xét, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ quyết định đã ban hành của mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ tiếp theo hoặc họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu họp có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông biểu quyết phải đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại.

2. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần phải được gửi bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của đại hội được công bố trên website của Công ty.

3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ do người yêu cầu trả.

Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **CHƯƠNG III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 14. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

3. HĐQT bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

##### **Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) thành viên. Thành phần của HĐQT, số lượng thành viên HĐQT độc lập đảm bảo theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được ĐHĐCĐ bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới tiếp nhận công việc.

Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Công ty phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT.

3. HĐQT giao nhiệm vụ cho một hoặc một số nhân sự đảm nhận vai trò Thư ký HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký HĐQT do HĐQT quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

##### **Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Trước khi tiến hành họp ĐHĐCĐ, HĐQT thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào HĐQT (trong đó dự kiến số lượng thành viên HĐQT độc lập); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn

phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ trở lên có quyền đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy chế được Điều lệ Công ty quy định.

4. Thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Công ty về công bố thông tin. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Công ty khác);
- Các lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

5. Các ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố, phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

7. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định về công bố thông tin có liên quan của Điều lệ Công ty.

#### **Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT**

1. HĐQT tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự, thủ tục họp HĐQT quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

2. Chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 18. Nghị quyết, quyết định của HĐQT**

1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

2. Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi cho BKS để giám sát và gửi Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

3. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp ĐHCĐ. Mọi bộ phận, cá nhân trong Công ty, kể cả thành viên HĐQT, đều có nghĩa vụ thực hiện. Trường hợp thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

4. Tổng Giám đốc và/hoặc người được Tổng Giám đốc phân công chỉ đạo chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc phải báo cáo Chủ tịch HĐQT trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty để HĐQT xem xét. Trường hợp HĐQT không ban hành nghị quyết hoặc quyết định để sửa đổi/thay thế, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành.

#### **Điều 19. Các Ủy ban, Tiểu ban trực thuộc HĐQT**

1. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban/Tiểu ban trực thuộc để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bao gồm nhưng không giới hạn các Ủy ban/Tiểu ban sau: Quản lý rủi ro; Nhân sự; Chiến lược và tổ chức; Kiểm toán nội bộ;

2. HĐQT quyết định nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên của các Ủy ban/Tiểu ban, cơ chế làm việc của các Ủy ban/Tiểu ban này phù hợp với quy định của pháp luật và của Công ty.

#### **Điều 20. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ, việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

### **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21. Cơ cấu tổ chức và vai trò của BKS**

1. BKS là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ đối với HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông; chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, BKS được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của BKS thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty. Trưởng BKS phân công công việc cho các thành viên BKS và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.

3. BKS xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS**

Thành viên BKS phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

### **Điều 23. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên BKS**

1. Trước khi tiến hành họp ĐHĐCĐ, HĐQT thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào BKS; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Việc đề cử, ứng cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một số cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên BKS được công bố theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Công ty về công bố thông tin. Thông tin liên quan đến các ứng viên BKS được công bố bao gồm:
  - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
  - Trình độ chuyên môn;
  - Quá trình công tác;
  - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Công ty khác);
  - Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);
  - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
5. Các ứng viên BKS có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố, phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên BKS.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
7. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên BKS được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định về công bố thông tin có liên quan của Điều lệ Công ty.

### **Điều 24. Trình tự và thủ tục tổ chức họp BKS**

1. BKS họp định kỳ và bất thường. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm do Trưởng BKS hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng BKS triệu tập.
2. Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
3. Thông báo mời họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được gửi cho các thành viên BKS theo thời hạn do pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Công ty quy định.
4. Trưởng BKS có quyền đề nghị thành viên HĐQT và/hoặc thành viên Ban điều hành tham gia cuộc họp trong trường hợp cần thiết.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

## **Điều 25. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS; chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

2. TGD có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 32.3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

## **Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

1. Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. TGD đương nhiệm hết nhiệm kỳ mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương nhiệm sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm. TGD phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

2. HĐQT xem xét và quyết định bổ nhiệm một trong số các thành viên HĐQT làm TGD hoặc người khác làm TGD theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Công ty;

3. Việc ký hợp đồng lao động với TGD thực hiện theo quy định của HĐQT và quy định nội bộ của Công ty;

4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, HĐQT có quyền ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm và chấm dứt HĐLĐ với TGD theo quy định tại Điều lệ Công ty;

5. Tiền lương và lợi ích khác của TGD: TGD được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGD do HĐQT quyết định. Tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

## **CHƯƠNG VI**

### **PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 27. Nguyên tắc phối hợp**

HĐQT, BKS và TGD phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

#### **Điều 28. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD**

1. HĐQT đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để TGD thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.



2. TGD có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề không có lợi cho Tập đoàn, các Cổ đông, TGD có quyền kiến nghị HĐQT xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.

3. TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Tập đoàn và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ.

4. TGD và những cán bộ quản lý khác có trách nhiệm đảm bảo để các thành viên HĐQT được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.

#### **Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS**

1. Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho BKS tham dự các cuộc họp HĐQT. Các thành viên BKS có quyền tham dự các cuộc họp HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.

2. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên BKS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. HĐQT đảm bảo tất cả các Nghị quyết/quyết định của HĐQT sẽ được cung cấp cho BKS đồng thời với cung cấp cho thành viên HĐQT.

4. BKS phối hợp và thông tin kịp thời cho HĐQT về kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ, tham khảo ý kiến của HĐQT đối với các nội dung báo cáo, tài liệu của BKS trước khi trình ĐHĐCĐ hoặc cung cấp/công bố cho các đơn vị bên ngoài Công ty.

#### **Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa BKS với Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo cho BKS thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Tổng Giám đốc đảm bảo quyền được tiếp cận thông tin, tài liệu của BKS.

3. Các báo cáo của TGD trình HĐQT phải được gửi đồng thời đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến các thành viên HĐQT.

4. BKS phối hợp và thông tin cho Tổng Giám đốc về kết quả giám sát, kết quả kiểm toán nội bộ, tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc đối với các nội dung báo cáo, tài liệu của BKS trước khi trình ĐHĐCĐ hoặc cung cấp/công bố thông tin ra bên ngoài Công ty.

### **CHƯƠNG VII**

#### **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

##### **Điều 31. Khen thưởng**

1. Các thành viên HĐQT, BKS và TGD có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo các quy định của Công ty.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định về thi đua khen thưởng của Công ty tại từng thời điểm.

##### **Điều 32. Kỷ luật**

1. Các thành viên HĐQT, BKS và TGD trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Công ty.

2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất của Công ty tại từng thời điểm.

## **CHƯƠNG VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 33. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 8 chương, 34 Điều, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT, BKS, TGD chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

#### **Điều 34. Sửa đổi, bổ sung quy chế**

Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và tình hình quản trị nội bộ của Công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua Quy Chế tại từng thời điểm./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Đoàn Văn Bình**

**Phụ lục 3. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị**  
(Kèm theo Tờ trình số 40-06/2021/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

DỰ THẢO

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn CEO" hoặc "Tập đoàn") nhằm hoạt động phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là "HĐQT") Tập đoàn CEO.

### Điều 2. Chức năng của HĐQT

HĐQT thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát và thúc đẩy toàn bộ hoạt động của Tập đoàn CEO và một số hoạt động của các Đơn vị thành viên của Tập đoàn CEO, tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc (TGD) Tập đoàn và Tổng Giám đốc/Giám đốc các Đơn vị thành viên tổ chức thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Tập đoàn CEO, Quy định/Quy chế về phân quyền của Tập đoàn và Điều lệ các Đơn vị thành viên<sup>1</sup>.

### Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tập đoàn CEO.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc ("TGD") tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HĐQT

### Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;
  - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
  - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó

<sup>1</sup> "Đơn vị thành viên" có nghĩa là doanh nghiệp/công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp của Việt Nam hoặc được thành lập tại nước ngoài theo pháp luật của nước ngoài (nếu có), mà các doanh nghiệp này có một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ, cổ phần được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi Tập đoàn CEO (bao gồm nhưng không giới hạn ở công ty con của Tập đoàn CEO và các công ty con của công ty con của Tập đoàn CEO).

thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người điều hành khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu và giải trình về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các Công ty khác trong Tập đoàn.
2. Người điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

#### **Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.

#### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tập đoàn;
2. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty mẹ hoặc công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty mẹ hoặc công ty con của Tập đoàn ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn; là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn;
  - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn;
  - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
  - f. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Điều lệ Tập đoàn.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

#### **Điều 8. Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT Tập đoàn không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - d. Ký ban hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
  - e. Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi xét thấy cần thiết;
  - f. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - h. Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT;
  - i. Chủ tịch HĐQT có toàn quyền trực tiếp chỉ đạo, gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ cán bộ, nhân viên về hoạt động của Tập đoàn;
  - j. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một trong số các thành viên khác của HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền;
  - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

#### **Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn;

- b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
  - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc thay đổi thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

- 1. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Tập đoàn;
- 2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.
- 3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung theo Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Tập đoàn;

Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

- 2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**CHƯƠNG III**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- 2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tập đoàn và các quyền và nghĩa vụ theo Quy chế/Quy định về phân quyền của Tập đoàn ban hành tại từng thời điểm;
- 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết;
- 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị

quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tập đoàn;
2. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Tập đoàn;
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
  - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
  - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

### **Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.

### **Điều 16. Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị**

1. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT có thể quyết định bổ nhiệm 01 người là Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
  - b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;



- d. Hỗ trợ Tập đoàn trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. HĐQT bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị để hỗ trợ công tác quản trị tại Tập đoàn. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm là Thư ký Tập đoàn theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Tập đoàn.

## CHƯƠNG IV

### CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Điều lệ Tập đoàn.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày trước tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  
Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.  
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tập đoàn.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
  11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
  12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

**Điều 18. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản**

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn. Mọi vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được quy định tại Điều lệ Tập đoàn đều có thể được HĐQT thông qua bằng hình thức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, theo trình tự và thủ tục sau:
  - (i) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT. Các tài liệu gửi xin ý kiến có thể được gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, bằng email/fax; và
  - (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến (gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, qua email/fax). Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày được xin ý kiến hoặc quá thời hạn nêu trong Phiếu xin ý kiến, các thành viên HĐQT không có ý kiến trả lời, coi như đồng ý với các nội dung xin ý kiến;
  - (iii) Căn cứ vào kết quả biểu quyết của các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

**Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian, địa điểm họp;
  - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 20. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
  - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính;
  - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
  - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

- Thành viên HĐQT có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

#### **Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tập đoàn thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên HĐQT Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tập đoàn đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tập đoàn.

### **CHƯƠNG VI**

#### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

- Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo HĐQT về việc bàn giao đó.

##### **Điều 24. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành**

- Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
- Thẩm quyền của HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản lý nội bộ, Quy chế này và Quy định/Quy chế về phân quyền của Tập đoàn ban hành tại từng thời điểm.

##### **Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn CEO bao gồm 7 chương, 26 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua - ngày 29 tháng 6 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đoàn Văn Bình**

**Phụ lục 4. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát**  
(Kèm theo Tờ trình số 40-06/2021/TTr/CEO-HĐQT ngày 08/6/2021)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

DỰ THẢO

**QUY CHẾ**

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	3
CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT .....	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát .....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát.....	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS .....	3
Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát.....	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 11. Bảo mật thông tin.....	5
CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT .....	6
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	6
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	7
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đồng.....	7
CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT .....	8
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	8
CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	8
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm .....	8
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	9
CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	10
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành .....	10
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	10
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	10

## **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát (sau đây gọi tắt là "BKS") và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn/Công ty") và các quy định khác có liên quan.
2. Quy chế này được áp dụng cho BKS và các thành viên BKS.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

BKS là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

## **CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn.
3. Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tập đoàn hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tập đoàn.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát**

1. BKS có 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm; các thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS
2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS**

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;



- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
  - d. Không phải là người quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
  - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
  - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tập đoàn.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên BKS không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn và người đại diện phần vốn góp của doanh nghiệp.

#### **Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát**

- 1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:
  - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, BKS và các cổ đông khác đề cử.
- 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

- 1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng

cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

#### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;
  - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ chuyên môn;
  - c. Quá trình công tác;
  - d. Các chức danh quản lý khác;
  - e. Các lợi ích có liên quan đến Tập đoàn (nếu có);
  - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
  - g. Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

#### **Điều 11. Bảo mật thông tin**

1. Các thành viên BKS không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.
2. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ hoặc đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
3. Các thành viên BKS có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

### CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

#### Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. BKS thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. BKS có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường BKS điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
  - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
  - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của BKS nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tập đoàn.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tập đoàn hoàn lại.

## **CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp của BKS đầu tiên của nhiệm kỳ BKS để bầu Trưởng BKS và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau ngày bầu cử của BKS đó. Thành viên BKS có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp BKS đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày dự họp dự kiến ít nhất 05 ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ để triệu tập họp BKS.
2. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
4. Mỗi thành viên BKS dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS. Nếu thành viên BKS không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
5. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời không được nhận ủy quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
6. Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên được Trưởng BKS ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
7. Trưởng BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với các vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên BKS tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS.

### **Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

## **CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.

4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, BKS về các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS.

### **Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O bao gồm 07 chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Tập đoàn về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Tập đoàn sẽ được ưu tiên áp dụng.

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do BKS trình ĐHCĐ phê chuẩn.

**TM BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Trần Thị Thùy Linh**

Số: 41-06/2021/TTr/CEO-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của ông Tạ Văn Tố - thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) của Công ty Công ty cổ phần Tập đoàn C.E.O (“Tập đoàn CEO”) nhiệm kỳ 2017- 2022 như sau:

**1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ xem xét miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Tập đoàn CEO nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông Tạ Văn Tố theo nguyện vọng.

Thời điểm miễn nhiệm: Kể từ ngày được ĐHCĐ chấp thuận.

**2. Bầu bổ sung thành viên HĐQT**

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung: 01 thành viên.
- Điều kiện, tiêu chuẩn: Ứng viên HĐQT phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn thi hành, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử được Đại hội thông qua.

**3. Nhân sự bầu bổ sung HĐQT**

Ban tổ chức đã tổng hợp hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT. Kết quả tổng hợp như sau:

- Hồ sơ ứng cử: Không
- Hồ sơ đề cử: 01 ứng viên là:

Ông Đoàn Văn Minh (Do Hội đồng quản trị đề cử) - Có Thông tin ứng viên kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Bình**